

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh hồ Cầu Dầu, thành phố Long Khánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 478/BC-SKHĐT ngày 22/7/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà (tiếp theo) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh hồ Cầu Dầu, thành phố Long Khánh với nội dung chi tiết theo phụ lục 01, 02 đính kèm.

Điều 2. UBND thành phố Long Khánh chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định và lưu ý:

- Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn để có tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp, khi ký hợp đồng với nhà thầu có thỏa thuận rõ, tránh việc nhà thầu thắc mắc yêu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

- Chủ đầu tư quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

Nguyễn Quốc Hùng

PHỤ LỤC 01 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU*(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-UBND ngày**/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

S T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 07 (xây dựng): Đường giao thông và hệ thống thoát nước; nội dung công việc cụ thể theo Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.	23.911.469.000 (Hai mươi ba tỷ, chín trăm mười một triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Gói thầu số 08 (xây dựng và thiết bị): Hệ thống chiếu sáng và di dời điện; nội dung công việc cụ thể theo Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và phụ lục 02 đính kèm.	2.735.847.000 (Hai tỷ, bảy trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn). Trong đó, chi phí xây dựng: 2.714.673.946 đồng và chi phí thiết bị: 21.173.577 đồng.	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3	Gói thầu số 09 (tư vấn): Giám sát thi công xây dựng gói thầu số 07.	634.132.000 (Sáu trăm ba mươi bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
4	Gói thầu số 10 (tư vấn): Giám sát thực hiện gói thầu số 08.	60.381.000 (Sáu mươi triệu, ba trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5	Gói thầu số 11 (xây dựng): Di dời hạ tầng kỹ thuật ngầm.	247.380.000 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
6	Gói thầu số 12 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thi công xây dựng gói thầu số 07.	64.560.000 (Sáu mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng + thời gian bảo hành công trình
7	Gói thầu số 13 (phi tư vấn): Bảo hiểm rủi ro của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện gói thầu số 08.	7.329.000 (Bảy triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 240 ngày kể từ ngày ký hợp đồng + thời gian bảo hành công trình
8	Gói thầu số 14 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	23.911.000 (Hai mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn đồng)	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc

	gói thầu số 07.	chẵn).						
9	Gói thầu số 15 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 08.	4.735.000 (Bốn triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 20 ngày cho tổng các công việc
10	Gói thầu số 16 (tư vấn): Thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 09.	2.000.000 (Hai triệu đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 40 ngày cho tổng các công việc
11	Gói thầu số 17 (tư vấn): Thẩm tra an toàn giao thông.	133.130.000 (Một trăm ba mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).	Ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu rút gọn		Quý III năm 2020	Trọn gói	Tối đa 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng giá trị các gói thầu		27.824.874.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn)						

PHỤ LỤC 02 KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 7/2020 của Chủ tịch
UBND tỉnh Đồng Nai).

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục thiết bị	Số lượng	Đvt	Thành tiền
Gói thầu số 08 (xây dựng và thiết bị): Hệ thống chiếu sáng và di dời điện				
1	Chi phí xây dựng			2.714.673.946
2	Chi phí thiết bị			21.173.577
2.1	Chi phí mua sắm, gia công, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn	1	HT	18.268.800
2.2	Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị	1	HT	2.904.777
	Tổng cộng (1+2)			2.735.847.000